

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 11/2025/KDTM-PT
Ngày: 28 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Phan Minh Dũng

Ông Ung Quang Định

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý Nga là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ánh Ngân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 và ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Gia Lai), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ1 (B)**

Trụ sở: Tháp B, số A T, P. H, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: ông Văn Hùng H – Trưởng phòng Khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP Đ1, chi nhánh Q. (Có mặt)

Trụ sở chi nhánh: 399 - D T, P. Q, tỉnh Gia Lai.

(Theo Quyết định ủy quyền số 1098/GUQ-BIDV.QNH ngày 12/7/2024).

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh ngày 21/01/1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Lô 03 BB1, Khu đô thị X, phường Q, tỉnh Gia Lai.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 (B):*

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2024, sửa đổi bổ sung đơn ngày 08/8/2024 và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Văn Hùng H trình bày: Bà Phạm Thị L ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh Q (gọi tắt là Ngân hàng) để vay vốn với mục đích bổ sung vốn kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/355995/HĐTD ngày 23/05/2023 Hợp đồng tín dụng số 02/2023/355995/HĐTD ký ngày 28/12/2023, cụ thể:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/355995/HĐTD ngày 23/05/2023 mức 5.200.000.000 đồng: Số tiền rút vốn 5.150.000.000 đồng, thời hạn vay 5 tháng, lãi suất 6,5%/năm cố định trong toàn bộ thời gian vay theo hợp đồng rút vốn cụ thể 01.2/2023/355995/HĐTD ngày 26/10/2023. Tuy nhiên đến ngày tất toán hợp đồng (26/03/2024) bà L đã để quá hạn gốc, lãi đến hạn. Trong quá trình sử dụng vốn bà L đã trả tổng cộng 148.081.416 đồng trong đó bao gồm 139.402.740 đồng tiền lãi và 8.678.676 đồng tiền gốc. Đến ngày 05/08/2024, bà L chưa trả tổng số tiền là 5.286.579.148 đồng, trong đó nợ gốc còn lại 5.141.321.324 đồng, lãi phát sinh là 120.865.559 đồng; lãi chậm trả, phí phạt là 24.392.265 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2023/355995/HĐTD ký ngày 28/12/2023 với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 5 tháng, lãi suất 6,8%/năm cố định trong toàn bộ thời gian vay. Tuy nhiên đến ngày tất toán hợp đồng (28/05/2024) khách hàng để quá hạn gốc, lãi đến hạn. Trong quá trình sử dụng vốn bà L đã trả tổng cộng 3.279.377 đồng tiền lãi. Đến ngày 05/08/2024, bà L chưa trả tổng cộng số tiền là 205.565.111 đồng, trong đó nợ gốc còn lại 200.000.000 đồng, lãi phát sinh là 4.955.144 đồng; lãi chậm trả, phí phạt là 609.967 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bà L đã thế chấp tài sản bao gồm:

- Quyền sử dụng đất của Bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 222370, số vào sổ cấp GCN: CS 03549 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/11/2017 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/355995/HĐBĐ ngày 26/05/2021).

- Xe ô tô con, nhãn hiệu Honda, số loại JAZZ, màu cam, 05 chỗ ngồi, số khung: 5870KT040317, số máy L15Z24461880, Biển kiểm soát: 77A-109.01, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 022084, do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh B cấp ngày 07/09/2018 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/355995/HĐBĐ ngày 14/05/2021).

Qua nhiều lần làm việc, bà L đã nhiều lần cam kết trả nợ cho Ngân hàng nhưng không thực hiện như đã cam kết. Hiện nay, toàn bộ khoản vay của bà L tại Ngân hàng đã là nợ xấu.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị L thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 17/4/2025 là: 5.783.396.889 đồng, trong đó:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/355995/HĐTD ngày 23/05/2023 theo hợp đồng rút vốn cụ thể 01.2/2023/355995/HĐTD ngày 26/10/2023 với số dư nợ tính đến ngày 17/04/2025 là 5.566.362.469 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 5.139.371.324 đồng, nợ lãi: 354.262.882 đồng, phí phạt: 72.728.263 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2023/355995/HĐTD ký ngày 28/12/2023 với số dư nợ tính đến ngày 17/04/2025 là 217.034.420 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 200.000.000 đồng, nợ lãi: 14.456.513 đồng, phí phạt: 2.577.907 đồng.

Và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi bà L thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng cho vay đã ký.

Nếu bà L không tự nguyện trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán tài sản thế chấp của bà L theo 02 Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/355995/HĐBĐ ngày 14/05/2021 và 02/2021/355995/HĐBĐ 26/05/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu bán tài sản thế chấp nhưng không đủ để thu nợ tại Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh Q thì bà L dùng các tài sản khác để trả nợ theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Phạm Thị L:*

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Phạm Thị L không đến Tòa để khai báo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L có mặt nhưng không trình bày và không trả lời nội dung hỏi của Hội đồng xét xử.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Gia Lai), Quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1 (B).

Buộc bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 (B) số tiền 5.783.396.889 đồng. Trong đó: Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/355995/HĐTD ngày 23/05/2023 tính đến ngày 17/04/2025 là 5.566.362.469 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 5.139.371.324 đồng, nợ lãi: 354.262.882 đồng, phí phạt: 72.728.263 đồng; Hợp đồng tín dụng số 02/2023/355995/HĐTD ký ngày 28/12/2023, tính đến ngày 17/04/2025 là 217.034.420 đồng, cụ thể: nợ gốc: 200.000.000 đồng, nợ lãi: 14.456.513 đồng, phí phạt: 2.577.907 đồng.

2. Trường hợp bà Phạm Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP Đ1 (B) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp gồm: nhà và đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 28, địa chỉ 100 đường T, phường Q, TP., tỉnh Bình Định, diện tích 71,52m². Nhà và đất đã được cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03549 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/11/2017 cấp cho ông Phạm Thành Đ và bà Võ Thị Bích L1, chỉnh lý biên động sang tên cho Phạm Thị L ngày 26/11/2020 và 01 xe Ô tô con, nhãn hiệu Honda, số loại JAZZ, màu cam, 05 chỗ

ngôi, số khung: 5870KT040317, số máy L15Z24461880, Biển kiểm soát: 77A-109.01, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022084, do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh B cấp ngày 07/09/2018, để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Trường hợp xử lý toàn bộ tài sản thế chấp không đủ để thanh toán số tiền nợ thì bà Phạm Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

3. Trường hợp bà Phạm Thị L trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP Đ1 (B) có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ giấy tờ bản gốc có liên quan đến tài sản thế chấp cho bà L.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 13 tháng 05 năm 2025, bà Phạm Thị L là bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 29/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai), yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử lại vụ án vì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị L, thấy rằng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Phạm Thị L không đến Tòa để khai báo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

[1.2] Bà Phạm Thị L kháng cáo cho rằng vì lý do bất khả kháng nên bà không thể có mặt để tham dự phiên tòa ngày 18/4/2025 và có đơn xin hoãn phiên tòa kèm theo giấy xác nhận của bệnh viện Tâm thần nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử là vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ bà L cung cấp có tại hồ sơ thì trong giai đoạn xét xử sơ thẩm bà L không nhập viện điều trị bệnh tâm thần như bà L trình bày và cũng không có chỉ định hạn chế đi lại của bác sỹ nên bà L vẫn có thể sinh hoạt bình thường. Vì vậy, lý do bà L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không phải là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Phạm Thị L và Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh Q đã ký kết 02 Hợp đồng tín dụng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 01/2023/355995/HĐTD ký ngày 23/05/2023, với hạn mức vay là 5.200.000.000 đồng, với số tiền rút vốn là 5.150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng cụ thể 01.2/2023/355995/HĐTD ngày 26/10/2023 và Hợp đồng tín dụng số 02/2023/355995/HĐTD ký ngày 28/12/2023, với hạn mức vay là 200.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay, bà L và Ngân hàng đã ký 02 hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/355995/HĐBĐ26/05/2021 với tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 28, địa chỉ 100 đường T, phường Q, TP., tỉnh Bình Định, diện tích 71,52m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị L.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/355995/HĐBĐ ngày 14/05/2021 với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát: 77A-109.01, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Phạm Thị L.

Hai hợp đồng thế chấp đều được công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đ1 căn cứ thoả thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng, khởi kiện và yêu cầu bà L trả nợ gốc, nợ lãi và phí phạt, đồng thời tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo lãi suất quá hạn đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 17/4/2025 cho đến khi trả hết nợ. Số tiền Ngân hàng yêu cầu bà L phải trả tính đến ngày 17/4/2025 là 5.783.396.889 đồng, trong đó:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/355995/HĐTD ngày 23/05/2023 số dư nợ là 5.566.362.469 đồng (nợ gốc: 5.139.371.324 đồng, nợ lãi: 354.262.882 đồng, phí phạt: 72.728.263 đồng);

- Hợp đồng tín dụng số 02/2023/355995/HĐTD ngày 28/12/2023 với số dư nợ là 217.034.420 đồng (nợ gốc: 200.000.000 đồng, nợ lãi: 14.456.513 đồng, phí phạt: 2.577.907 đồng).

Và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phạt sinh cho đến khi bà L thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng cho vay đã ký.

[1.4] Xét thấy, các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa bà L và Ngân hàng đều đảm bảo về mặt nội dung và hình thức của giao dịch dân sự, không vi phạm điều cấm theo Điều 117, Điều 119 và Điều 123 Bộ luật Dân sự. Đồng thời, thoả thuận về lãi suất trong hợp đồng tín dụng giữa các bên là phù hợp với quy định pháp luật. Việc Ngân hàng áp dụng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và yêu cầu bà L phải trả số tiền nêu trên là có cơ sở. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[1.5] Về tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp, trường hợp bà L không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp; trường hợp xử lý toàn bộ tài sản thế chấp không đủ thanh toán khoản nợ thì bà L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đến khi hết nợ; trường

hợp bà L trả hết nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả giấy tờ gốc có liên quan đến tài sản thế chấp cho bà L. Điều khoản này phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Phạm Thị L phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001662 ngày 28/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Gia Lai).

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 295, 298, 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322 và 323 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Gia Lai).

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

2.1. Chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 (B) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng.

2.2. Án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu 56.892.000 đồng (đã giảm 50% án phí, có xác nhận hoàn cảnh khó khăn của U, TP ., nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai).

H1 lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 (B) số tiền 56.746.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000590 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Gia Lai).

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001662 ngày 28/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Gia Lai)

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (18/4/2025) cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2023/355995/HĐTD ký ngày 23/05/2023 và Hợp đồng tín dụng số 02/2023/355995/HĐTD ký ngày 28/12/2023.

4.2. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai (1);
- TAND khu vực 1 – Gia Lai (1);
- Phòng THADS Khu vực 1 – Gia Lai (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu: HCTP, TDS, P.TT-KT&THA, HSVA (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thắm

